

TT	Họ và tên	Môn thi	Điểm thi	Đạt giải	Học sinh trường
1	Lê Thị Thúy Hằng	Ngữ văn	16.00	Nhất	THCS TT Cao Phong
2	Bùi Thị Mai	Hóa học	14.75	Nhì	THCS Tây Phong
3	Bùi Thị Hà Phương	Lịch sử	14.75	Nhì	THCS Đông Phong
4	Nguyễn Thị Bích Phương	Ngữ văn	13.00	Nhì	THCS TT Cao Phong
5	Nguyễn Phương Ngân	Tiếng Anh	14.00	Ba	THCS TT Cao Phong
6	Vũ Thị Hồng Ngọc	Tiếng Anh	14.00	Ba	THCS TT Cao Phong
7	Bùi Thị Kiều	Địa lý	14.00	Ba	THCS Dũng Phong
8	Dương Thị Thu Thảo	Địa lý	13.50	Ba	TH&THCS Thu Phong
9	Nguyễn Thị Thanh Tú	Địa lý	13.75	Ba	THCS TT Cao Phong
10	Đặng Tuấn Anh	Hóa học	12.75	Ba	THCS Tây Phong
11	Nguyễn Công An	Hóa học	13.75	Ba	THCS TT Cao Phong
12	Lại Anh Đức	Hóa học	13.00	Ba	THCS TT Cao Phong
13	Hồ Phi Hùng	Hóa học	12.75	Ba	THCS TT Cao Phong
14	Phạm Đức Long Nhật	Hóa học	13.50	Ba	THCS Tây Phong
15	Lại Nhật Duy	Vật lý	13.00	Ba	THCS TT Cao Phong
16	Nguyễn Thị Duyên	Ngữ văn	11.50	Ba	THCS Bắc Phong
17	Trần Đức Trường	Tiếng Anh	13.00	KK	THCS TT Cao Phong
18	Ngô Yến Vy	Tiếng Anh	13.00	KK	THCS TT Cao Phong
19	Trần Thị Thùy Trang	Hóa học	12.25	KK	THCS TT Cao Phong
20	Vũ Phú Hoà	Vật lý	10.25	KK	THCS TT Cao Phong
21	Nguyễn Trần Việt Ánh	Sinh học	13.00	KK	THCS TT Cao Phong
22	Đinh Nguyễn Tuấn Anh	Tin học	10.00	KK	THCS TT Cao Phong
23	Đoàn Vũ Ngọc Ánh	Tin học	10.00	KK	THCS TT Cao Phong
24	Nguyễn Khánh Duy	Tin học	10.00	KK	THCS TT Cao Phong
25	Nguyễn Hà Trang	Tin học	10.00	KK	THCS TT Cao Phong
26	Nguyễn Hoàng Trung	Tin học	10.00	KK	THCS TT Cao Phong
27	Phạm Phương Anh	Ngữ văn	10.50	KK	THCS TT Cao Phong
28	Nguyễn Thị Hồng Giang	Ngữ văn	10.50	KK	THCS TT Cao Phong

TP Hòa Bình, ngày 07 Tháng 4 năm 2017.

KT.GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Lương

TT	Họ và tên	Môn thi	Điểm thi	Đạt giải	Học sinh trường
1	Đặng Văn Linh	Địa lý	15.25	Nhì	THCS Toàn Sơn
2	Trần Thị Thủy Trang	Địa lý	15.00	Nhì	TH&THCS Cao Sơn
3	Lương Anh Tùng	Địa lý	16.00	Nhì	THCS Thị trấn Đà Bắc
4	Nguyễn Tùng Lâm	Hóa học	15.00	Nhì	THCS Thị trấn Đà Bắc
5	Xa Khánh Hậu	Ngữ văn	13.50	Nhì	TH&THCS Hào Lý
6	Quách Minh Quang	Địa lý	13.75	Ba	THCS Thị trấn Đà Bắc
7	Đinh Như Quỳnh	Ngữ văn	11.50	Ba	THCS Thị trấn Đà Bắc
8	Hồ Minh Anh	Tiếng Anh	11.00	KK	THCS Thị trấn Đà Bắc
9	Ngô Thảo Uyên	Tiếng Anh	13.00	KK	THCS Thị trấn Đà Bắc
10	Phạm Thị Lợi	Địa lý	13.00	KK	THCS Thị trấn Đà Bắc
11	Đinh Thu Huyền	Vật lý	10.25	KK	THCS Thị trấn Đà Bắc
12	Nguyễn Hà Thương	Vật lý	10.25	KK	THCS Thị trấn Đà Bắc
13	Đinh Duy Đức	Sinh học	12.00	KK	THCS Thị trấn Đà Bắc
14	Nguyễn Trung Nghĩa	Sinh học	12.50	KK	TH&THCS Cao Sơn
15	Chu Thị Minh Linh	Lịch sử	12.50	KK	THCS Thị trấn Đà Bắc
16	Trương Thu Thủy	Lịch sử	12.50	KK	THCS Thị trấn Đà Bắc

TP Hòa Bình, ngày 07 Tháng 4 năm 2017.

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Lương

TT	Họ và tên	Môn thi	Điểm thi	Đạt giải	Học sinh trường
1	Phan Hồng Sơn	Tin học	16.00	Nhì	THCS Mỹ Hòa
2	Bùi Thị Thanh Tâm	Ngữ văn	13.00	Nhì	THCS Hạ Bì
3	Nguyễn Cao Kỳ Dương	Tiếng Anh	14.00	Ba	THCS Thị trấn Bo
4	Nguyễn Phạm Hải Đăng	Tiếng Anh	14.00	Ba	THCS Thị trấn Bo
5	Đặng Bạch Lan Hương	Tiếng Anh	14.00	Ba	THCS Vĩnh Tiến
6	Nguyễn Trà My	Tiếng Anh	14.75	Ba	THCS Vĩnh Tiến
7	Nguyễn Thị Thúy Ngân	Lịch sử	13.25	Ba	THCS Nam Thượng
8	Bạch Ngọc Anh	Tin học	12.00	Ba	THCS Mỹ Hòa
9	Bùi Thị Hiền Dung	Tin học	12.50	Ba	TH&THCS B Đủ Sáng
10	Bùi Thị Huyền	Tin học	12.00	Ba	THCS Hạ Bì
11	Nguyễn Trần Bách	Toán học	16.00	Ba	THCS Thị trấn Bo
12	Nguyễn Phương Lộc	Toán học	14.00	Ba	THCS Thị trấn Bo
13	Đỗ Gia Bảo Khánh	Tiếng Anh	11.00	KK	THCS Thị trấn Bo
14	Bùi Hà Phương	Tiếng Anh	12.00	KK	THCS Nam Thượng
15	Bùi Thị Nương	Địa lý	12.75	KK	THCS Sơn Thủy
16	Bùi Duy Thái	Địa lý	12.50	KK	THCS Hạ Bì
17	Tạ Thùy Dương	Hóa học	12.00	KK	THCS Thị trấn Bo
18	Quách Đặng Phương Huệ	Vật lý	10.25	KK	THCS Nam Thượng
19	Lê Việt Quang	Vật lý	10.25	KK	THCS Thị trấn Bo
20	Bùi Thị Tường Linh	Sinh học	12.00	KK	THCS Hợp Kim
21	Bạch Thị Nương	Sinh học	12.00	KK	THCS Bắc Sơn
22	Đinh Thị Ngân	Lịch sử	11.50	KK	TH&THCS Hợp Đồng
23	Bạch Thị Thêu	Lịch sử	11.75	KK	TH&THCS A Đủ Sáng
24	Lê Thị Thủy Trang	Lịch sử	11.25	KK	THCS Vĩnh Tiến
25	Đinh Thị Thanh Tú	Lịch sử	12.50	KK	THCS Đông Bắc
26	Đỗ Xuân Hoàng	Toán học	12.25	KK	THCS Thị trấn Bo
27	Bùi Thị Hải Hà	Ngữ văn	11.00	KK	THCS Vĩnh Tiến
28	Bùi Thị Thu Hiền	Ngữ văn	11.00	KK	THCS Sơn Thủy
29	Bùi Thị Kim Sao	Ngữ văn	10.50	KK	TH&THCS Tú Sơn

TP Hòa Bình, ngày 04 Tháng 4 năm 2017.

KT.GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Lương

TT	Họ và tên	Môn thi	Điểm thi	Đạt giải	Học sinh trường
1	Nguyễn Hoàng Anh	Địa lý	15.50	Nhì	THCS Thị trấn Kỳ Sơn
2	Nguyễn Thị Thanh Trà	Địa lý	14.50	Nhì	THCS Hợp Thịnh
3	Nguyễn Thu Anh	Tiếng Anh	14.00	Ba	THCS Thị trấn Kỳ Sơn
4	Nguyễn Trang Nhung	Địa lý	14.25	Ba	THCS Thị trấn Kỳ Sơn
5	Nguyễn Thị Thu	Sinh học	15.50	Ba	THCS Yên Quang
6	Lê Thành Đạt	Tin học	12.00	Ba	THCS Hợp Thịnh
7	Nguyễn Trung Đức	Tin học	14.00	Ba	THCS Thị trấn Kỳ Sơn
8	Nguyễn Khánh Hường	Ngữ văn	11.50	Ba	THCS Dân Hoà
9	Nguyễn Xuân Đức Anh	Tiếng Anh	11.00	KK	THCS Thị trấn Kỳ Sơn
10	Mai Thanh	Vật lý	10.25	KK	THCS Thị trấn Kỳ Sơn
11	Đinh Đăng Tú	Vật lý	10.25	KK	THCS Thị trấn Kỳ Sơn
12	Trịnh Thảo Vy	Sinh học	12.75	KK	THCS Thị trấn Kỳ Sơn
13	Trần Thị Thủy Dung	Tin học	10.00	KK	THCS Hợp Thịnh

TP Hòa Bình, ngày 07 Tháng 4 năm 2017.

KT.GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Lương



	Họ và tên	Môn thi	Điểm thi	Đạt giải	Học sinh trường
1	Bùi Thị Ngọc Mai	Toán học	18.50	Nhất	THCS Võ Thị Sáu
2	Phạm Mai Hoa	Sinh học	17.00	Nhì	THCS Vũ Lâm
3	Bùi Thị Hiệp	Lịch sử	13.75	Nhì	THCS Định Cư
4	Nguyễn Diệu Vân Anh	Toán học	17.75	Nhì	THCS Võ Thị Sáu
5	Bùi Đức Duy	Toán học	16.50	Nhì	THCS Võ Thị Sáu
6	Nguyễn Việt Dũng	Toán học	17.75	Nhì	THCS Võ Thị Sáu
7	Trần Phương Thủy	Ngữ văn	14.50	Nhì	THCS Võ Thị Sáu
8	Nguyễn Trang Nhung	Tiếng Anh	14.00	Ba	THCS Võ Thị Sáu
9	Lê Phương Thảo	Tiếng Anh	14.00	Ba	THCS Võ Thị Sáu
10	Quách Thanh Dũng	Địa lý	13.50	Ba	THCS Chí Đạo
11	Bùi Thanh Hải	Địa lý	13.50	Ba	THCS Văn Nghĩa
12	Bùi Văn Mạnh	Địa lý	14.25	Ba	THCS Tuấn Đạo
13	Quách Thái Sơn	Vật lý	13.00	Ba	THCS Võ Thị Sáu
14	Nguyễn Phương Dung	Sinh học	15.75	Ba	THCS Võ Thị Sáu
15	Nguyễn Quốc Hùng	Sinh học	16.00	Ba	THCS Vũ Lâm
16	Bùi Thế Ngọc	Sinh học	14.25	Ba	TH&THCS Phúc Tuy
17	Bùi Hoài Linh	Lịch sử	13.50	Ba	THCS Võ Thị Sáu
18	Bùi Thị Mai	Lịch sử	12.75	Ba	THCS Ân Nghĩa
19	Nguyễn Hoàng Sơn	Lịch sử	13.50	Ba	THCS Võ Thị Sáu
20	Bùi Thị Trà	Lịch sử	12.75	Ba	THCS Thượng Cốc
21	Đào Minh Anh	Tin học	12.50	Ba	THCS Võ Thị Sáu
22	Bùi Văn Chiù	Tin học	12.50	Ba	THCS Xuất Hoá
23	Đỗ Văn Giáp	Tin học	12.00	Ba	THCS Thượng Cốc
24	Nhữ Thanh Hà	Tin học	12.50	Ba	THCS Võ Thị Sáu
25	Phạm Thu Huyền	Tin học	12.00	Ba	THCS Võ Thị Sáu
26	Đặng Quốc Long	Tin học	12.00	Ba	THCS Võ Thị Sáu
27	Nguyễn Thu Hằng	Toán học	14.25	Ba	THCS Võ Thị Sáu
28	Trịnh Quốc Khánh	Toán học	15.75	Ba	THCS Võ Thị Sáu
29	Đặng Hoàng Ngân	Toán học	14.75	Ba	THCS Võ Thị Sáu
30	Bùi Thị Hồng Nhung	Ngữ văn	12.00	Ba	TH&THCS Miền Đồi
31	Nguyễn Thu Hà	Tiếng Anh	13.50	KK	THCS Võ Thị Sáu
32	Nguyễn Trang Nhung	Tiếng Anh	12.00	KK	THCS Võ Thị Sáu
33	Quách Thị Hương Giang	Địa lý	12.25	KK	THCS Liên Vũ
34	Bùi Thị Hồng Nụ	Địa lý	13.00	KK	THCS Văn Nghĩa
35	Bùi Văn Hiến	Sinh học	13.75	KK	THCS Yên Nghiệp
36	Bùi Thị Linh	Sinh học	13.00	KK	THCS Bình Càng
37	Bùi Thị Chung	Lịch sử	11.25	KK	THCS Tuấn Đạo
38	Bùi Thị Khánh Hiền	Lịch sử	12.50	KK	THCS Định Cư
39	Bùi Thị Mỹ Hòa	Lịch sử	12.25	KK	THCS Tân Lập

TT	Họ và tên	Môn thi	Điểm thi	Đạt giải	Học sinh trường
40	Trần Bùi Lan Phương	Lịch sử	12.50	KK	THCS Vũ Lâm
41	Nguyễn Thành An	Tin học	10.00	KK	THCS Võ Thị Sáu
42	Bùi Thị Bích	Tin học	11.00	KK	THCS Thượng Cốc
43	Vũ Minh Hằng	Toán học	13.00	KK	THCS Võ Thị Sáu
44	Nguyễn Khánh Linh	Toán học	12.25	KK	THCS Võ Thị Sáu
45	Nguyễn Phương Linh	Toán học	12.75	KK	THCS Võ Thị Sáu
46	Nguyễn Mai Hương	Ngữ văn	10.50	KK	THCS Võ Thị Sáu

TP Hòa Bình, ngày 07. Tháng 4...năm 2017.

KT.GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Lương



	Họ và tên	Môn thi	Điểm thi	Đạt giải	Học sinh trường
1	Nguyễn Hoàng Long	Vật lý	19.00	Nhất	THCS Cổ Nghĩa
2	Bùi Thùy Giang	Lịch sử	16.25	Nhất	TH&THCS Hưng Thi
3	Phạm Ngọc Quỳnh	Lịch sử	16.75	Nhất	THCS TT Thanh Hà
4	Trần Quý Nhất	Toán học	19.00	Nhất	THCS TT Thanh Hà
5	Trần Thị Vân Anh	Ngữ văn	15.50	Nhất	THCS Chi Nê
6	Bùi Thị Hương Lan	Địa lý	14.75	Nhì	TH&THCS Khoan Dụ
7	Nguyễn Quang Huy	Vật lý	16.25	Nhì	THCS Đồng Tâm
8	Nguyễn Lương Phúc	Vật lý	16.50	Nhì	THCS Cổ Nghĩa
9	Nguyễn Việt Hằng	Sinh học	17.50	Nhì	THCS Chi Nê
10	Bùi Thị Hiền	Sinh học	16.50	Nhì	TH&THCS Hưng Thi
11	Trần Thanh Huyền	Sinh học	16.75	Nhì	THCS Đồng Tâm
12	Nguyễn Thị Thủy Trang	Sinh học	17.25	Nhì	THCS Chi Nê
13	Nguyễn Hồng Vân	Lịch sử	14.75	Nhì	THCS Đồng Tâm
14	Bùi Xuân Hà	Tiếng Anh	14.00	Ba	THCS Cổ Nghĩa
15	Nguyễn Thảo Linh	Tiếng Anh	14.00	Ba	THCS Phú Lão
16	Nguyễn Hà Yến	Tiếng Anh	15.00	Ba	THCS Chi Nê
17	Lương Tiến Thành	Địa lý	14.25	Ba	THCS Đồng Tâm
18	Nguyễn Hiếu Ngân	Hóa học	14.00	Ba	THCS Đồng Tâm
19	Đinh Thị Kim Thanh	Hóa học	13.00	Ba	THCS An Bình
20	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Hóa học	13.00	Ba	THCS Phú Lão
21	Nguyễn Hữu Tùng	Hóa học	13.00	Ba	THCS TT Thanh Hà
22	Trần Thu Huyền	Vật lý	14.50	Ba	THCS Yên Bồng
23	Lại Duy Nam	Vật lý	13.25	Ba	THCS Đồng Tâm
24	Trần Hồng Nhung	Vật lý	12.75	Ba	THCS Đồng Tâm
25	Nguyễn Thu An	Sinh học	14.00	Ba	THCS Phú Lão
26	Bùi Đình Hồng Đức	Sinh học	14.00	Ba	THCS Phú Lão
27	Đinh Thị Ngân	Sinh học	15.00	Ba	THCS Chi Nê
28	Bùi Lê Minh Thảo	Sinh học	14.25	Ba	THCS Cổ Nghĩa
29	Nguyễn Thùy Linh	Lịch sử	13.00	Ba	THCS Yên Bồng
30	Đinh Văn Hưng Anh	Tin học	13.00	Ba	THCS Chi Nê
31	Phạm Minh Hiếu	Tin học	14.00	Ba	THCS Chi Nê
32	Ngô Nhật Linh	Toán học	14.00	Ba	THCS Đồng Tâm
33	Kiều Phạm Thu Phương	Toán học	14.00	Ba	THCS Phú Lão
34	Bùi Thị Thảo	Toán học	14.00	Ba	THCS Phú Lão
35	Lê Trần Nhật Linh	Ngữ văn	12.00	Ba	THCS Phú Thành
36	Nguyễn Hà Phương Thảo	Ngữ văn	11.50	Ba	THCS TT Thanh Hà
37	Nguyễn Song Hà	Tiếng Anh	12.50	KK	THCS Cổ Nghĩa
38	Nguyễn Thu Hồng	Tiếng Anh	12.50	KK	THCS Chi Nê
39	Cao Thanh Phong	Tiếng Anh	10.25	KK	THCS TT Thanh Hà

TT	Họ và tên	Môn thi	Điểm thi	Đạt giải	Học sinh trường
40	Phạm Thị Thu Linh	Địa lý	13.25	KK	THCS TT Thanh Hà
41	Bùi Thị Tuyết Mai	Địa lý	12.25	KK	THCS An Bình
42	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Địa lý	13.00	KK	THCS Cổ Nghĩa
43	Nguyễn Thị Bình	Hóa học	11.50	KK	THCS Chi Nê
44	Lê Thu Phương	Hóa học	11.50	KK	THCS TT Thanh Hà
45	Trịnh Minh Tuấn	Hóa học	11.50	KK	THCS TT Thanh Hà
46	Bùi Thị Thủy Dương	Vật lý	10.25	KK	THCS Đồng Tâm
47	Lương Thị Thanh Huyền	Vật lý	10.75	KK	THCS Chi Nê
48	Nguyễn Mạnh Quyết	Vật lý	11.00	KK	THCS Phú Thành
49	Vũ Thị Hoàng Anh	Sinh học	12.50	KK	THCS Đồng Tâm
50	Bùi Thị Huệ	Lịch sử	11.75	KK	THCS An Bình
51	Nguyễn Thị Huệ	Lịch sử	12.00	KK	THCS Cổ Nghĩa
52	Đỗ Ngọc Huyền	Lịch sử	12.25	KK	THCS Đồng Tâm
53	Nguyễn Mạnh Nam	Tin học	10.00	KK	THCS Chi Nê
54	Vũ Thị Minh Hằng	Toán học	12.50	KK	THCS Chi Nê
55	Nguyễn Phan Trung Hiếu	Toán học	13.25	KK	THCS Cổ Nghĩa
56	Đàm Thị Phương Thảo	Toán học	12.50	KK	THCS Đồng Tâm
57	Hoàng Thị Thu Thủy	Toán học	12.50	KK	THCS Cổ Nghĩa
58	Nguyễn Thị Thu Hồng	Ngữ văn	10.50	KK	THCS Đồng Tâm
59	Dương Thị Hà Ngân	Ngữ văn	10.50	KK	THCS Yên Bồng
60	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Ngữ văn	10.50	KK	TH&THCS Khoan Dụ
61	Nguyễn Bùi Xuân Thái	Ngữ văn	10.50	KK	THCS Phú Thành
62	Trần Hoài Hương	Ngữ văn	10.50	KK	THCS Yên Bồng

TP Hòa Bình, ngày 07 Tháng 4 năm 2017.

KT.GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Lương



	Họ và tên	Môn thi	Điểm thi	Đạt giải	Học sinh trường
1	Bạch Thị Duyên	Địa lý	16.25	Nhất	TH&THCS Hợp Hoà
2	Nguyễn Thị Thủy Linh	Địa lý	15.00	Nhì	THCS Hoà Sơn
3	Nguyễn Đức Long	Địa lý	14.75	Nhì	THCS Hoà Sơn
4	Ngô Thị Trà My	Sinh học	17.25	Nhì	THCS Cửu Long
5	Hoàng Mai Loan	Lịch sử	14.00	Nhì	THCS Tân Vinh
6	Bạch Mai Ngọc	Lịch sử	14.50	Nhì	THCS Liên Sơn
7	Trần Minh Sáng	Tin học	16.00	Nhì	THCS Cửu Long
8	Nguyễn Phương Thanh	Tin học	15.75	Nhì	THCS Hoà Sơn
9	Bùi Huệ Anh	Ngữ văn	13.50	Nhì	THCS Nhuận Trạch
10	Nguyễn Thị Hà	Ngữ văn	13.00	Nhì	THCS Cửu Long
11	Bùi Như Nguyệt	Địa lý	14.00	Ba	THCS Liên Sơn
12	Nguyễn Khánh Duy	Hóa học	13.25	Ba	THCS Cửu Long
13	Vũ Thanh Hằng	Hóa học	13.00	Ba	THCS Cao Thắng
14	Văn Công Đạo	Sinh học	16.25	Ba	THCS Cửu Long
15	Đặng Văn Trường	Sinh học	14.75	Ba	THCS Cao Dương
16	Hoàng Văn Chiến	Lịch sử	13.00	Ba	TH&THCS Hợp Hoà
17	Bùi Hoàng Diệu Linh	Lịch sử	13.25	Ba	TH và THCS Lâm Sơn
18	Bùi Thị Tâm	Lịch sử	13.00	Ba	TH và THCS Trường Sơn
19	Nguyễn Vũ Hải	Tin học	14.00	Ba	THCS Cửu Long
20	Nguyễn Phan Quỳnh Hương	Tin học	13.00	Ba	THCS Cửu Long
21	Đỗ Quỳnh Anh	Toán học	14.25	Ba	THCS Cửu Long
22	Khuong Thị Bảo Trâm	Toán học	15.75	Ba	THCS Cao Thắng
23	Nguyễn Lê Trung	Toán học	16.00	Ba	THCS Cửu Long
24	Nguyễn Hồng Nhung	Ngữ văn	11.50	Ba	THCS Cửu Long
25	Đinh Ngọc Thúy	Ngữ văn	12.50	Ba	THCS Cửu Long
26	Nguyễn Thị Hương Trà	Ngữ văn	12.00	Ba	THCS Hùng Sơn
27	Nguyễn Linh Hương	Tiếng Anh	11.00	KK	THCS Cửu Long
28	Nguyễn Huyền Trinh	Tiếng Anh	10.50	KK	THCS Cửu Long
29	Dương Thị Phương Linh	Địa lý	12.75	KK	THCS Bãi Lạng
30	Bùi Huyền Trang	Địa lý	12.75	KK	THCS Cửu Long
31	Nguyễn Thị Ngọc Yến	Địa lý	12.50	KK	THCS Nhuận Trạch
32	Nguyễn Minh Ý	Địa lý	13.00	KK	THCS Liên Sơn
33	Trịnh Thị Tú	Hóa học	10.75	KK	THCS Cư Yên
34	Hoàng Thị Thu Thảo	Vật lý	10.25	KK	THCS Cửu Long
35	Nguyễn Thị Thu Hằng	Sinh học	13.75	KK	THCS Cửu Long
36	Bạch Văn Nghĩa	Sinh học	12.75	KK	THCS Cao Dương
37	Nguyễn Thùy Nhung	Sinh học	12.00	KK	THCS Nhuận Trạch
38	Nguyễn Văn Tuấn Sơn	Sinh học	12.50	KK	THCS Cao Dương
39	Nguyễn Thị Tâm	Sinh học	12.75	KK	THCS Nhuận Trạch

SỞ GD&ĐT HÒA BÌNH
Kỳ thi HSG cấp tỉnh lớp 9 THCS
Khóa ngày : 03/4/2017

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT GIẢI
Hội đồng thi Lương Sơn

TT	Họ và tên	Môn thi	Điểm thi	Đạt giải	Học sinh trường
40	Nguyễn Văn Anh	Lịch sử	12.00	KK	THCS Cao Dương
41	Bạch Tuyết Liễu	Lịch sử	11.75	KK	TH và THCS Thanh Lương
42	Lê Xuân Bách	Toán học	12.25	KK	THCS Cửu Long
43	Trịnh Thủy Tiên	Ngữ văn	11.00	KK	THCS Cửu Long

TP Hòa Bình, ngày 07 Tháng 4 năm 2017.

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Lương

TT	Họ và tên	Môn thi	Điểm thi	Đạt giải	Học sinh trường
1	Nguyễn Thị Thùy Duyên	Địa lý	14.75	Nhì	THCS Vạn Mãi
2	Phạm Thị Thu	Địa lý	15.00	Nhì	THCS Xăm Khoè
3	Lê Chính Đại	Tin học	17.00	Nhì	THCS Thị trấn Mai Châu
4	Phạm Thị Hạnh	Toán học	16.50	Nhì	THCS Thị trấn Mai Châu
5	Phạm Linh Chi	Ngữ văn	13.00	Nhì	THCS Thị trấn Mai Châu
6	Hà Lan Hiền	Địa lý	14.00	Ba	THCS Thị trấn Mai Châu
7	Hà Thành Đạt	Vật lý	14.25	Ba	THCS Thị trấn Mai Châu
8	Phạm Hương Giang	Ngữ văn	12.00	Ba	THCS Thị trấn Mai Châu
9	Hà Thị Huyền Vy	Ngữ văn	12.00	Ba	THCS Thị trấn Mai Châu
10	Hà Thị Quỳnh Như	Địa lý	13.00	KK	THCS Mai Hịch
11	Cao Tuấn Anh	Hóa học	10.50	KK	THCS Thị trấn Mai Châu
12	Hà Thị Hường	Hóa học	10.50	KK	THCS Xăm Khoè
13	Nguyễn Việt Sơn	Vật lý	10.75	KK	THCS Thị trấn Mai Châu
14	Nguyễn Minh Tâm	Sinh học	13.50	KK	THCS Thị trấn Mai Châu
15	Hà Thế Bảo	Tin học	10.00	KK	THCS Chiềng Châu
16	Hà Quỳnh Giao	Tin học	10.00	KK	THCS Thị trấn Mai Châu
17	Nguyễn Minh Nghĩa	Toán học	13.50	KK	THCS Thị trấn Mai Châu
18	Hà Thu Hòa	Ngữ văn	10.50	KK	THCS Bao La
19	Hà Thị Dương Huyền	Ngữ văn	10.50	KK	THCS Thị trấn Mai Châu

TP Hòa Bình, ngày 07 Tháng 4 năm 2017.

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Lương



	Họ và tên	Môn thi	Điểm thi	Đạt giải	Học sinh trường
1	HOÀNG YẾN CHI	Hóa học	16.50	Nhất	THCS Kim Đồng
2	ĐINH XUÂN THẮNG	Hóa học	18.00	Nhất	THCS Kim Đồng
3	BÙI THANH THU	Lịch sử	16.00	Nhất	THCS Quy Hậu
4	NGUYỄN THU HƯƠNG	Tiếng Anh	18.00	Nhì	THCS Kim Đồng
5	NGUYỄN VŨ HOÀNG MINH	Tiếng Anh	15.50	Nhì	THCS Kim Đồng
6	ĐÀM PHƯƠNG NAM	Tiếng Anh	16.50	Nhì	THCS Kim Đồng
7	ĐINH TUẤN KHẢI	Địa lý	15.25	Nhì	THCS Mỹ Hoà
8	ĐINH CÔNG MẠNH	Địa lý	15.75	Nhì	TH&THCS Quyết Chiến
9	NGUYỄN THỊ HÀ	Hóa học	16.00	Nhì	THCS Kim Đồng
10	NGUYỄN HOÀNG ANH	Vật lý	17.25	Nhì	THCS Kim Đồng
11	BÙI ANH ĐỨC	Vật lý	16.50	Nhì	THCS Kim Đồng
12	ĐINH THỊ ĐỊNH	Lịch sử	14.75	Nhì	THCS Phú Vinh
13	TÔ THỊ HƯƠNG	Lịch sử	15.75	Nhì	THCS Kim Đồng
14	TRẦN THU PHƯƠNG	Lịch sử	15.50	Nhì	THCS Từ Nê
15	LÊ VIỆT ANH	Tin học	15.75	Nhì	THCS Kim Đồng
16	NGUYỄN DƯƠNG BÌNH	Tin học	15.75	Nhì	THCS Kim Đồng
17	NGUYỄN SINH HÙNG	Tin học	16.50	Nhì	THCS Kim Đồng
18	BÙI VIỆT ANH	Toán học	16.75	Nhì	THCS Kim Đồng
19	LÊ TRUNG NGHĨA	Toán học	18.25	Nhì	THCS Kim Đồng
20	NGUYỄN KIM PHƯƠNG	Toán học	16.25	Nhì	THCS Kim Đồng
21	NGUYỄN THỊ THU QUỲNH	Toán học	18.00	Nhì	THCS Kim Đồng
22	NGUYỄN XUÂN MAI	Ngữ văn	13.00	Nhì	THCS Phong Phú
23	LÔ KIM HOA	Tiếng Anh	14.00	Ba	THCS Kim Đồng
24	TRẦN PHƯƠNG HÒA	Tiếng Anh	14.00	Ba	THCS Kim Đồng
25	NGUYỄN HOÀI NAM	Tiếng Anh	14.50	Ba	THCS Kim Đồng
26	LÊ HỒNG NHUNG	Vật lý	13.25	Ba	THCS Kim Đồng
27	ĐINH ANH TỬ	Vật lý	14.00	Ba	THCS Kim Đồng
28	HÀ TÔNG LÊ	Sinh học	15.00	Ba	THCS Quy Hậu
29	BÙI THỊ HÀO	Lịch sử	13.50	Ba	THCS Phú Cường
30	BÙI VIỆT HOÀN	Lịch sử	12.75	Ba	THCS Mãn Đức
31	BÙI KIM DUNG	Toán học	15.25	Ba	THCS Kim Đồng
32	NGUYỄN THỊ MAI LOAN	Toán học	15.75	Ba	THCS Kim Đồng
33	NGÔ ĐẮC QUANG	Toán học	14.75	Ba	THCS Phong Phú
34	NGUYỄN PHẠM THỤY ANH	Ngữ văn	12.00	Ba	THCS Kim Đồng
35	BÙI THƯƠNG HOÀI	Tiếng Anh	11.00	KK	THCS Kim Đồng
36	BÙI MINH HOÀNG	Tiếng Anh	13.00	KK	THCS Kim Đồng
37	ĐẶNG THẢO NGUYỄN	Tiếng Anh	11.00	KK	THCS Từ Nê
38	QUÁCH THỊ KHÁNH HÒA	Địa lý	13.25	KK	THCS Từ Nê
39	BÙI THỊ QUỲNH HƯƠNG	Địa lý	13.00	KK	THCS Mãn Đức

TT	Họ và tên	Môn thi	Điểm thi	Đạt giải	Học sinh trường
40	BÙI THỊ DIỆU QUỲNH	Địa lý	12.75	KK	THCS Quy Hậu
41	ĐÌNH THỊ THẠCH	Địa lý	13.00	KK	THCS Phú Cường
42	NGUYỄN NGỌC BÌNH	Hóa học	10.50	KK	THCS Kim Đồng
43	QUÁCH HẢI DƯƠNG	Hóa học	12.25	KK	THCS Từ Nê
44	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	Hóa học	10.50	KK	THCS Kim Đồng
45	MAI VĂN TÀI	Hóa học	11.75	KK	THCS Phong Phú
46	ĐÌNH NHẬT TẤN	Vật lý	11.25	KK	THCS Phong Phú
47	LÊ THỊ CÚC	Sinh học	12.50	KK	THCS Quy Hậu
48	BÙI THỊ HÀ	Sinh học	12.75	KK	TH&THCS Do Nhân
49	PHẠM MAI LY	Sinh học	13.25	KK	THCS Kim Đồng
50	BÙI THỊ NHUNG	Sinh học	12.25	KK	THCS Từ Nê
51	TRỊNH THỊ PHƯỢNG	Sinh học	13.50	KK	THCS Quy Hậu
52	ĐÌNH THỊ NHƯ QUỲNH	Sinh học	12.75	KK	THCS Phong Phú
53	BÙI THỊ PHƯƠNG THẢO	Sinh học	13.25	KK	THCS Tuần Lộ
54	BÙI THỊ HỒNG	Lịch sử	12.00	KK	THCS Đông Lai
55	ĐÌNH NGỌC HUỆ	Lịch sử	11.25	KK	THCS Phú Vinh
56	BÙI THANH TRÚC	Lịch sử	12.50	KK	THCS Phong Phú
57	BÙI THỊ KIM DUNG	Tin học	10.00	KK	THCS Kim Đồng
58	TRỊNH TRỌNG ĐẠT	Tin học	10.00	KK	THCS Kim Đồng
59	LÊ VIỆT HÙNG	Tin học	10.00	KK	THCS Kim Đồng
60	HÀ TRỌNG THÁI	Tin học	10.00	KK	THCS Kim Đồng
61	LẠI ĐỨC THẮNG	Tin học	10.00	KK	THCS Kim Đồng
62	VŨ THỊ BÁCH DIỆP	Toán học	13.00	KK	THCS Kim Đồng
63	BÙI KHÁNH HUYỀN	Ngữ văn	11.00	KK	THCS Phong Phú
64	BÙI THỊ LAN	Ngữ văn	11.00	KK	THCS Phong Phú
65	ĐỖ THỊ BẢO QUYỀN	Ngữ văn	11.00	KK	THCS Kim Đồng

TP Hòa Bình, ngày 07. Tháng 4. năm 2017.

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Lương

TT	Họ và tên	Môn thi	Điểm thi	Đạt giải	Học sinh trường
1	Phạm Phương Mai	Tiếng Anh	18.50	Nhất	THCS Hữu Nghị
2	Đinh Lê Bảo Ngọc	Tiếng Anh	19.00	Nhất	THCS Sông Đà
3	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Địa lý	16.75	Nhất	PTDTBT Thái Thịnh
4	Nguyễn Thị Mai Sang	Địa lý	16.25	Nhất	TH&THCS Thái Bình
5	Lê Trần Tiến Đông	Hóa học	16.50	Nhất	THCS Hữu Nghị
6	Võ Nhật Lê	Vật lý	19.25	Nhất	THCS Sông Đà
7	Nguyễn Ngọc Ánh	Sinh học	18.00	Nhất	THCS Hữu Nghị
8	Nguyễn Việt Ánh	Sinh học	18.00	Nhất	THCS Hữu Nghị
9	Nguyễn Việt Hà	Sinh học	18.25	Nhất	THCS Sông Đà
10	Nguyễn Phúc Ngọc Mai	Sinh học	18.75	Nhất	THCS Võ Thị Sáu
11	Hàn Minh Ngọc	Lịch sử	16.50	Nhất	THCS Hữu Nghị
12	Nguyễn Lý Duy Cường	Tin học	19.50	Nhất	THCS Sông Đà
13	Trần Mạnh Cường	Tin học	19.50	Nhất	THCS Hữu Nghị
14	Phạm Thùy Dương	Tin học	19.00	Nhất	THCS Hữu Nghị
15	Tô Vũ Phan Hoàng	Toán học	19.00	Nhất	THCS Hữu Nghị
16	Hoàng Thảo Uyên	Ngữ văn	15.50	Nhất	THCS Lê Quý Đôn
17	Đào Tùng Anh	Tiếng Anh	18.00	Nhì	THCS Lê Quý Đôn
18	Trần Thị Ngọc Anh	Tiếng Anh	16.50	Nhì	THCS Lê Quý Đôn
19	Trần An Khanh	Tiếng Anh	16.00	Nhì	THCS Lê Quý Đôn
20	Phạm Thị Thu Ngân	Tiếng Anh	16.00	Nhì	THCS Hữu Nghị
21	Nguyễn Hồng Ngọc	Tiếng Anh	17.00	Nhì	THCS Lý Tự Trọng
22	Nguyễn Vũ Ngọc Thảo	Tiếng Anh	16.50	Nhì	THCS Lê Quý Đôn
23	Nguyễn Quỳnh Trang	Tiếng Anh	16.50	Nhì	THCS Hữu Nghị
24	Đinh Thị Nhân	Địa lý	15.00	Nhì	TH&THCS Thái Bình
25	Bùi Thị Ánh Thương	Địa lý	15.25	Nhì	PTDTBT Thái Thịnh
26	Phạm Thùy Dung	Hóa học	15.50	Nhì	THCS Lý Tự Trọng
27	Lê Minh Đức	Hóa học	14.50	Nhì	THCS Hữu Nghị
28	Bùi Mạnh Hùng	Hóa học	15.00	Nhì	THCS Hữu Nghị
29	Nguyễn Thùy Linh	Hóa học	16.25	Nhì	THCS Lê Quý Đôn
30	Nguyễn Hà Ngân	Hóa học	14.50	Nhì	THCS Lý Tự Trọng
31	Nguyễn Trường Thịnh	Hóa học	14.50	Nhì	THCS Sông Đà
32	Lê Thùy Dương	Vật lý	17.00	Nhì	THCS Lê Quý Đôn
33	Trần An Định	Vật lý	16.00	Nhì	THCS Sông Đà
34	Phan Công Hiếu	Vật lý	17.75	Nhì	THCS Lê Quý Đôn
35	Trần Trung Hiếu	Vật lý	15.00	Nhì	THCS Lý Tự Trọng
36	Ngô Minh Thành	Vật lý	16.00	Nhì	THCS Hữu Nghị
37	Nguyễn Phú Lâm	Sinh học	17.50	Nhì	THCS Sông Đà
38	Lê Triệu Hồng Ngọc	Sinh học	16.50	Nhì	THCS Hữu Nghị
39	Dương Thu Phương	Sinh học	17.25	Nhì	THCS Hữu Nghị



TT	Họ và tên	Môn thi	Điểm thi	Đạt giải	Học sinh trường
40	Hà Xuân Sơn	Sinh học	17.25	Nhì	THCS Hữu Nghị
41	Khuất Thị Phương Thảo	Sinh học	17.75	Nhì	THCS Sông Đà
42	Bùi Chí Công	Lịch sử	15.50	Nhì	THCS Sông Đà
43	Lê Quang Bình	Tin học	15.00	Nhì	THCS Sông Đà
44	Phạm Khánh Linh	Tin học	15.50	Nhì	THCS Hữu Nghị
45	Nguyễn An Sơn	Tin học	18.00	Nhì	THCS Hữu Nghị
46	Đinh Ngọc Toàn	Tin học	16.00	Nhì	THCS Hữu Nghị
47	Nguyễn Duy Phong	Toán học	17.00	Nhì	THCS Lê Quý Đôn
48	Đinh Thị Ý Thơ	Toán học	17.75	Nhì	THCS Hữu Nghị
49	Trần Hà Linh	Ngữ văn	13.00	Nhì	THCS Sông Đà
50	Bùi Linh Ngân	Ngữ văn	13.00	Nhì	THCS Hữu Nghị
51	Lâm Như Ngọc	Ngữ văn	13.50	Nhì	THCS Sông Đà
52	Lê Bảo Thư	Ngữ văn	13.50	Nhì	THCS Lý Tự Trọng
53	Quách Bảo Hoa	Tiếng Anh	15.00	Ba	THCS Sông Đà
54	Phạm Hải Hương	Tiếng Anh	14.00	Ba	THCS Đồng Tiến
55	Trần Công Minh	Tiếng Anh	14.50	Ba	THCS Hữu Nghị
56	Lê Ngọc Anh	Địa lý	13.50	Ba	THCS Lý Tự Trọng
57	Hà Thanh Phương	Địa lý	13.50	Ba	THCS Đồng Tiến
58	Bùi Khánh Huyền	Hóa học	13.00	Ba	THCS Cù Chính Lan
59	Giang Hoàng Yến	Hóa học	14.00	Ba	THCS Hữu Nghị
60	Nguyễn Tuấn Anh	Vật lý	13.00	Ba	THCS Hữu Nghị
61	Trần Chí Cường	Vật lý	14.00	Ba	THCS Lý Tự Trọng
62	Lê Anh Đức	Sinh học	14.25	Ba	THCS Hữu Nghị
63	Nguyễn Quang Tuyền	Sinh học	16.00	Ba	THCS Hữu Nghị
64	Nguyễn Khánh Huyền	Lịch sử	13.50	Ba	THCS Sông Đà
65	Trương Như Hoàng	Tin học	12.50	Ba	THCS Hữu Nghị
66	Bùi Thế Phong	Tin học	14.00	Ba	THCS Hữu Nghị
67	Hoàng Thùy Trang	Tin học	14.50	Ba	THCS Sông Đà
68	Nguyễn Trâm Anh	Toán học	15.50	Ba	THCS Hữu Nghị
69	Nguyễn Khánh An	Toán học	14.00	Ba	THCS Hữu Nghị
70	Nguyễn Huy Thành	Toán học	15.00	Ba	THCS Hữu Nghị
71	Ngô Hoài Nam	Ngữ văn	11.50	Ba	TH&THCS Thịnh Lang
72	Nguyễn Thị Huyền	Địa lý	12.75	KK	THCS Lý Tự Trọng
73	Hoàng Thị Mai Hương	Địa lý	13.25	KK	THCS Sông Đà
74	Bùi Thùy Dương	Hóa học	11.50	KK	THCS Cù Chính Lan
75	Hoàng Khánh Huyền	Hóa học	11.50	KK	THCS Hữu Nghị
76	Bùi Thanh Thảo	Hóa học	12.00	KK	THCS Sông Đà
77	Nguyễn Bá Việt Anh	Vật lý	11.00	KK	THCS Sông Đà
78	Nguyễn Thị Bích Hà	Vật lý	11.75	KK	THCS Lê Quý Đôn



TT	Họ và tên	Môn thi	Điểm thi	Đạt giải	Học sinh trường
79	Nguyễn Xa Hoàng Dũng	Sinh học	13.25	KK	THCS Võ Thị Sáu
80	Nguyễn Thị Mai Anh	Lịch sử	11.75	KK	TH&THCS Thịnh Lang
81	Nguyễn Thị Bích Phương	Lịch sử	12.50	KK	THCS Lý Tự Trọng
82	Vũ Thị Thùy Quyên	Lịch sử	11.25	KK	TH&THCS Thịnh Lang
83	Nguyễn Gia Bách	Toán học	12.75	KK	THCS Sông Đà
84	Lưu Đức Duy	Toán học	13.50	KK	THCS Lý Tự Trọng
85	Bùi Việt Quang	Toán học	13.75	KK	THCS Lý Tự Trọng
86	Vũ Thị Quỳnh Anh	Ngữ văn	11.00	KK	THCS Lê Quý Đôn
87	Trần Thu Hà	Ngữ văn	10.50	KK	THCS Đồng Tiến
88	Nguyễn Kiều Yến Nhi	Ngữ văn	11.00	KK	TH&THCS Yên Mô
89	Phạm Thị Hiền Quyên	Ngữ văn	10.50	KK	THCS Sông Đà
90	Quách Phương Tú	Ngữ văn	11.00	KK	THCS Lý Tự Trọng
91	Trần Thị Kim Yến	Ngữ văn	11.00	KK	THCS Nguyễn Bá Ngọc

TP Hòa Bình, ngày 07 Tháng 4 năm 2017.

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Lương

TT	Họ và tên	Môn thi	Điểm thi	Đạt giải	Học sinh trường
1	Bùi Thị Minh Phương	Tiếng Anh	16.00	Nhì	THCS TT Hàng Trạm
2	Bùi Minh Châu	Lịch sử	15.50	Nhì	THCS Đa Phúc
3	Đỗ Xuân Nghĩa	Lịch sử	13.75	Nhì	THCS Yên Lạc
4	Bùi Thị Hương Thanh	Lịch sử	13.75	Nhì	TH&THCS Phú Lai
5	Nguyễn Hồng Vân	Lịch sử	14.00	Nhì	THCS TT Hàng Trạm
6	Dương Cẩm Ly	Toán học	18.00	Nhì	THCS Yên Trị
7	Bùi Thu Hương	Địa lý	14.25	Ba	THCS Yên Trị
8	Vũ Tiến Long	Địa lý	13.50	Ba	THCS Yên Lạc
9	Hoàng Bích Ngọc	Địa lý	13.75	Ba	THCS Yên Trị
10	Nguyễn Đình Đức	Vật lý	14.00	Ba	THCS TT Hàng Trạm
11	Đinh Thu Hà	Vật lý	14.50	Ba	THCS Yên Trị
12	Lê Thu Hương	Vật lý	14.50	Ba	THCS Yên Lạc
13	Trịnh Thu Huyền	Sinh học	14.25	Ba	THCS Yên Lạc
14	Bùi Huyền My	Sinh học	14.25	Ba	THCS Yên Lạc
15	Nguyễn Ngọc Ninh	Sinh học	14.00	Ba	THCS TT Hàng Trạm
16	Bùi Thị Duyên	Lịch sử	13.50	Ba	THCS Đa Phúc
17	Bùi Thanh Kim Huệ	Lịch sử	13.00	Ba	TH&THCS Phú Lai
18	Đinh Thị Hải Yến	Lịch sử	13.25	Ba	THCS Ngọc Lương
19	Hoàng Thị Thúy Anh	Tin học	12.00	Ba	THCS Yên Lạc
20	Quách Trọng Đức	Tin học	12.00	Ba	THCS Yên Lạc
21	Đinh Thị Ngân	Toán học	15.50	Ba	THCS Yên Lạc
22	Bùi Thị Hà	Ngữ văn	12.00	Ba	THCS TT Hàng Trạm
23	Phạm Thị Nga	Ngữ văn	11.50	Ba	THCS TT Hàng Trạm
24	Phạm Thị Thùy Ngân	Ngữ văn	12.00	Ba	THCS TT Hàng Trạm
25	Trần Huyền Phương	Ngữ văn	12.50	Ba	THCS TT Hàng Trạm
26	Nguyễn Mai Hoa	Tiếng Anh	11.50	KK	THCS TT Hàng Trạm
27	Bùi Văn Bắc	Địa lý	13.00	KK	THCS Lạc Thịnh
28	Bùi Anh Phước	Địa lý	13.25	KK	THCS Yên Trị
29	Nguyễn Lã Hà linh	Hóa học	10.50	KK	THCS TT Hàng Trạm
30	Trần Thị Thu Phương	Vật lý	10.25	KK	THCS Yên Trị
31	Đoàn Toàn Thắng	Lịch sử	11.75	KK	THCS TT Hàng Trạm
32	Trương Thị Tiên	Lịch sử	11.25	KK	THCS Đa Phúc
33	Trần Thị Hải Yến	Lịch sử	12.00	KK	THCS Yên Lạc
34	Đinh Huy Hiếu	Toán học	12.50	KK	THCS TT Hàng Trạm
35	Tổng Thị Hồng Ngát	Toán học	12.75	KK	THCS Ngọc Lương
36	Bùi Thị Thuý Nga	Ngữ văn	10.50	KK	THCS Yên Trị

TP Hòa Bình, ngày 07 Tháng 4 năm 2017

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Lương